TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:119 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2026
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đăng Ký và ông Phạm Hồng Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: ông Trần Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Nh, sinh năm 1994. Căn cước công dân số 042194018xxx. Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1985. Căn cước công dân số 042085022xxx. Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Nh và anh Phan Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2012 tại UBND xã Xuân L, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Hôn nhân tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn anh Đ sang nước ngoài làm ăn, sinh sống, đến cuối năm 2013 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách, lối sống xa cách của vợ chồng không hòa hợp, không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Nay chị Nh xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình V, sinh ngày 15/4/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay con ở với chị và do chị

nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Nh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Ngô Thị Nh có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt.

* *Đối với bị đơn anh Phan Văn Đ:* Theo kết quả xác minh tại Công văn số 206/QLXNC- Đ1 ngày 26/01/2026 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hà Tĩnh thể hiện: "Anh Phan Văn Đ, sinh ngày 16/6/1985, đã xuất cảnh ngày 12/5/2014 qua cửa khẩu SBQT Nội Bài bằng HC số B2647581, không thấy thông tin nhập cảnh về nước trên hệ thống".

Vì vậy, sau khi thụ lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh Phan Văn Đ và đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng theo pháp luật, ngoài việc tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình tại địa chỉ thường trú của anh Đ ở Thôn L, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, kênh thông tin của Ban đối ngoại (VOV5) cho anh Phan Văn Đ biết, cụ thể đã đăng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (10h00 ngày 06/02/2026, 21h00 ngày 07/02/2026 và 18h00 ngày 08/02/2026) để anh Đ về giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh Phan Văn Đ không có mặt theo thông báo của Tòa án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2025 và 08/4/2026, bà Nguyễn Thị H có nêu quan điểm: Bà là mẹ đẻ của anh Phan Văn Đ; Anh Phan Văn Đ và Chị Ngô Thị Nh tự nguyện đăng ký vào ngày 30/7/2012 tại UBND xã Xuân L, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay chưa về nước. Bà và anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook, zalo nhưng anh Đ làm công việc gì, tại địa chỉ cụ thể của nước nào thì anh không thông báo cho bà biết. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo lại cho anh Đ được biết việc chị Ngô Thị Nh Đng làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Anh Đ có trình bày quan điểm về các yêu cầu của chị Nh, cụ thể: về hôn nhân, Anh Đ đồng ý ly hôn với chị Nh; về con chung, vợ chồng có 01 người con là cháu Phan Đình V, sinh ngày 15/4/2013, sau khi ly hôn giao cho mẹ là Ngô Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên bà H không đồng ý ký vào biên bản vì nêu quan điểm chị Nh yêu cầu ly hôn thì chị tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, 228 điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Nh

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị Nh ly hôn anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Đình V, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Ngô Thị Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Anh Phan Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Nh có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phan Văn Đ. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Phan Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại Thôn L, xã C, tỉnh Hà Tĩnh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Ngô Thị Nh có đơn yêu cầu không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Ngô Thị Nh:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Nh kết hôn với anh Phan Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 30/7/2012 tại UBND xã Xuân L, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh), được thể hiện tại bản trích lục kết hôn số 15/2012 ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân xã Xuân L, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh do

chị Nh giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của chị Ngô Thị Nh và anh Phan Văn Đ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận và có với nhau một người con chung nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng, qua người thân anh Đ cũng trình bày quan điểm về việc đồng ý ly hôn chị Nh. Hội đồng xét xử thấy, thời gian vợ chồng kết hôn với nhau được hơn 01 năm nhưng đã sống ly thân hơn 12 năm; trong suốt thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, anh Đ hiện Đng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau; chị Nh luôn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn và anh Đ Đồng ý chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Nh yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo lời khai của chị Nh và các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nh, anh Đ có một con chung là cháu Phan Đình V, sinh ngày 15/4/2013. Hiện nay cháu Đng ở cùng với chị Nh, chị Nh yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc nuôi con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, từ khi anh Đ đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay cháu đã ở ổn định với chị Nh, được chăm sóc, phát triển khỏe mạnh, bình thường nên yêu cầu được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Mặt khác, anh Đ hiện nay Đng ở nước ngoài và cũng đồng ý việc giao con chung cho chị Nh nuôi dưỡng. Con chung Phan Đình V (trên 7 tuổi) cũng có đơn nguyện vọng muốn được ở với mẹ do đó cần giao con chung cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và phù hợp với điều kiện của các bên. Chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét.

Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Nh phải chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 207, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Nh

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Nh được ly hôn anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Đình V, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Ngô Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Phan Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000230 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Nh và anh Phan Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Thị Hương